

ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm lại những kiến thức cơ bản nhất về một số tác gia và tác phẩm văn học trung đại trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 Nâng cao.*
- *Hệ thống hoá những kiến thức ấy trên hai bình diện lịch sử văn học và thể loại.*

I – NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Để ôn tập văn học trung đại, cần chú ý một số vấn đề dưới đây.

1. Về tác phẩm

a) *Thể loại* trong văn học trung đại chi phối người cầm bút một cách nghiêm ngặt về cấu trúc văn bản, cách thức diễn đạt, nội dung phản ánh,... Bởi vậy, muốn hiểu tác phẩm văn học trung đại một cách sâu sắc, thấy được sự tinh tế và

dụng công của tác giả, phải nắm chắc *đặc điểm thể loại* tác phẩm. Điều này đã được trình bày trong các phần *Tri thức đọc - hiểu*.

b) Văn học trung đại có lối diễn đạt riêng

– Tác giả thường hay dùng các *điển* lấy từ sử sách cổ Trung Hoa, Ấn Độ và Việt Nam. Chẳng hạn các câu "Ghét đời *Kiệt, Tru* mê đắm...", "Ghét đời *U, Lệ* đa đoan..." (*Truyện Lục Vân Tiên*); "Buổi *duong cẩu* cùng nhau hoạn nạn" (*Khóc Dương Khuê*),... Nếu không biết *Kiệt, Tru, U, Lệ* là ai, bản chất của những người ấy ra sao..., hoặc chưa nắm được nghĩa chữ *duong cẩu* là gì thì ta không hiểu Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Khuyến nói gì. Đó là chưa kể các từ Hán Việt, từ cổ, từ khó,... trong văn bản. Để giải quyết những vướng mắc trên, cần đọc kỹ các chú thích.

– Văn chương trung đại, đặc biệt là thơ ca, các tác giả thường diễn đạt dưới hình thức ước lệ, tượng trưng,... Nếu chưa hiểu cách diễn đạt mang tính đặc trưng trung đại kiểu đó, ta sẽ khó biết nội dung đích thực của tác phẩm. Cho nên, cần đọc kỹ những gợi ý trong phần *Hướng dẫn học bài*.

2. Về tác giả

Cần nắm vững phần trình bày về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của từng tác giả để trên cơ sở ấy, lí giải hiện tượng sáng tác và đặc biệt là đánh giá những đóng góp của họ.

II – NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về nội dung

a) Các tác phẩm văn học trung đại đã học phản ánh chân thật diện mạo con người Việt Nam giai đoạn thế kỉ XVIII, đặc biệt là nửa cuối thế kỉ XIX.

Trước hết, đó là những người yêu nước thương nòi, dám đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc dù có hi sinh nhưng tấm lòng son vẫn vàng vạc như trăng rằm (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*).

Lòng yêu nước của người dân Việt Nam được thể hiện ở nhiều sắc độ khác nhau : đau lòng trước cảnh nước mất nhà tan (*Chạy giặc*), biết yêu lẽ phải và hi sinh để bảo vệ công lí (*Sơn Hậu*), yêu những người một lòng vì dân, ghét những kẻ gây đau khổ cho dân (*Truyện Lục Vân Tiên*), phê phán những cái nhớ nhãng do chế độ thuộc địa nửa phong kiến lỗi thời gây ra (*Tiến sĩ giấy, Vịnh khoa thi Hương*), biết lo cho sơn hà xã tắc bằng tâm huyết điều trần (*Xin lập khoa luật*), hoặc thu phục hiền tài đem sức mình ra để giúp triều đại chính nghĩa (*Chiếu cầu hiền*),...

Trân trọng và xót thương khi bạn bè qua đời (*Khóc Dương Khuê*), thương người vợ một đời lam lũ vì chồng con (*Thương vợ*), biết lẽ phải trái (*Cha tôi*), sống thanh bạch không bị lợi danh cám dỗ (*Vào phủ chúa Trịnh*), nói thẳng tình cảm và khát vọng của mình (*Tự tình* – bài II), sống thực lòng (*Bài ca ngất ngưỡng*), biết chọn con đường mình phải đi (*Bài ca ngắn đi trên bãi cát*) và thưởng thức cảnh đẹp thiên nhiên đất nước (*Câu cá mùa thu*, *Bài ca phong cảnh Hương Sơn*),... là những đức tính của người Việt Nam.

Nội dung trên giúp ta thấy rõ con người và bản tính Việt Nam.

b) Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Khuyến là hai tác giả tiêu biểu cho giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Mỗi người tuy tuổi tác khác nhau, hoàn cảnh sống khác nhau, nhưng giống nhau ở lòng yêu nước. Nguyễn Đình Chiểu thì trực diện đương đầu với thực dân Pháp cùng bọn tay sai ngay những ngày đầu kháng chiến. Ông viết nhiều thể loại với nội dung theo đúng tuyên ngôn về quan điểm sáng tác của mình. Còn Nguyễn Khuyến thì mang một nỗi niềm u hoài trước sự đổi thay của thời cuộc, gửi lòng mình vào dòng thơ tâm sự, vào những bức phác thảo cảnh làng quê và trào lộng thói đời đen bạc, trào lộng sự bất lực, sự vô dụng của mình đối với đất nước,... Văn thơ Nguyễn Khuyến thâm trầm và nước mắt trào ra trong tiếng cười.

2. Về thể loại

a) *Văn xuôi tự sự*. Ở lớp 10 chúng ta đã học truyện truyền kì *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* của Nguyễn Dữ, nay học thêm thể kí với đoạn trích *Vào phủ chúa Trịnh* của Lê Hữu Trác và bài đọc thêm *Cha tôi* của Đặng Huy Trứ.

Kí khác truyện ở chỗ, kí thể hiện trực tiếp *cái tôi* cá nhân người cầm bút, kí trung đại không hư cấu và chỉ viết về những việc xảy ra đối với bản thân. Những điều đó được thể hiện trong các đoạn trích.

b) *Thơ lục bát*. Do đặc điểm riêng, thơ lục bát được dùng để sáng tác truyện Nôm. Truyện Nôm là loại hình văn học đặc sắc, thể hiện sự tìm tòi, sáng tạo của người Việt Nam. Trước đây, chúng ta đã học truyện thơ *Đoạn trường tân thanh* (thường gọi là *Truyện Kiều*) của Nguyễn Du, *Phạm Tải – Ngọc Hoa* (khuyết danh), nay học thêm bài *Lẽ ghét thương* trích từ *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.

c) *Thơ song thất lục bát*. Thể loại này cũng là một sáng tạo độc đáo của dân tộc ta. Thể thơ này đặc dụng cho loại hình ngâm, than, vãn,... như bài *Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến.

d) *Thơ hát nói*. Đây là một loại hình thơ độc đáo thể hiện sự sáng tạo của Việt Nam, phản ánh bước phát triển mới của thơ ca dân tộc và sự tài hoa của người sáng tác. Người có công trong việc đưa thơ hát nói lên đỉnh cao là Nguyễn Công Trứ. Chúng ta đã học hai bài thơ hát nói là *Bài ca ngất ngưỡng* của Nguyễn Công Trứ và *Bài ca phong cảnh Hương Sơn* của Chu Mạnh Trinh. Nhờ tính tương đối tự do trong gieo vần, ngắt nhịp, trong số lượng tiếng của mỗi dòng,... thơ hát nói biểu hiện được sự phóng khoáng, nét tài hoa, thậm chí sự "ngất ngưỡng" của người cầm bút.

đ) *Thơ Đường luật*. Nhiều tác phẩm viết theo thể Đường luật đã được học ở lớp 10. Nay học thêm một số bài như *Chạy giặc* của Nguyễn Đình Chiểu, *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương, *Câu cá mùa thu* và *Tiến sĩ giấy* của Nguyễn Khuyến, *Thương vợ* và *Vịnh khoa thi Hương* của Trần Tế Xương. Thơ Đường luật có nguồn gốc từ Trung Hoa, nhưng được Việt hoá từ thế kỉ XIII. Mỗi bài dù bị câu thúc bởi niêm luật rất chặt chẽ, song do tính hàm súc, thơ Đường luật có sức biểu cảm mạnh mẽ và đã trở thành một thể thơ đường như của người Việt, được người Việt sử dụng rộng rãi.

e) *Ca, hành*. Bắt nguồn từ Trung Hoa, ca, hành được người Việt dùng để sáng tác ngay từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV. Do tính chất không bị gò bó vào vần luật, thể ca, hành diễn đạt được những nội dung phóng khoáng, tự do mà *Bài ca ngán đi trên bãi cát* của Cao Bá Quát là một ví dụ.

g) *Chiếu*. Chiếu thuộc văn học chức năng hành chính do vua ban xuống cho bề tôi thi hành. Chiếu cũng có khi gọi là *cáo, mệnh*,... Cùng loại với *chiếu* nhưng do bề tôi viết để dâng lên vua thì gọi là *biểu, tấu, sớ, điều trần*,... Đoạn trích *Xin lập khoa luật* của Nguyễn Trường Tộ thuộc văn điều trần. Đặc điểm của văn điều trần là cách lập luận, những luận chứng và luận cứ để thuyết phục người nghe, người đọc. Đặc biệt, điều trần do bề dưới dâng lên vua, nên nghệ thuật thuyết phục càng đòi hỏi lời lẽ mềm mỏng mà sắc bén, nhẹ nhàng mà buộc chặt. Đặc điểm này được Nguyễn Trường Tộ thể hiện rõ trong đoạn trích.

h) *Văn tế*. Thuộc loại hình văn học chức năng lễ nghi, văn tế dùng để thực hành một nghi lễ mang tính chất tín ngưỡng : cúng người đã khuất. Đặc biệt, văn tế những anh hùng nghĩa sĩ ngã xuống vì cuộc đấu tranh bảo vệ non sông đất nước thì lời lẽ đầy chất bi tráng với sự tri ân của toàn dân. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện được đặc điểm nói trên.

i) *Kịch bản tuồng*. Tuồng là loại hình văn học độc đáo và sáng tạo của dân tộc ta. Chất bi hùng và kết thúc có hậu là đặc điểm nổi bật của tuồng. Đoạn trích *Đóng Mẩu* trong tuồng *Sơn Hậu* thể hiện được phần nào đặc trưng đó.

III – PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

1. Mỗi học sinh chuẩn bị nội dung ôn tập, viết thành đề cương từng vấn đề để trình bày trên lớp hoặc trong tổ, nhóm.

2. Mỗi tổ cử người trình bày từng vấn đề theo sự hướng dẫn của giáo viên.

Có thể nêu những câu hỏi như sau :

a) Văn học trung đại Việt Nam trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao*, tập một gồm những bài nào ? Hãy sắp xếp chúng theo trình tự thời gian.

b) Đặc điểm của từng thể loại thuộc văn học trung đại.

c) Nội dung chủ yếu của văn học trung đại Việt Nam.

d) Sự giống và khác nhau giữa các tác phẩm văn học của Nguyễn Đình Chiểu và Nguyễn Khuyến qua các bài đã học.